

TÍNH CHẤT CỦA TƯ TƯỞNG CANH TÂN Ở VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX – ĐẦU THẾ KỶ XX

Lê Văn Phúc

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 06/02/2025

Ngày phản biện: 08/02/2025

Ngày duyệt đăng: 05/03/2025

*Tác giả chính:

phucle3101@gmail.com

DOI:

<https://doi.org/10.70879/IUTVeprU5>

Title:

The characteristics of reformist thought in vietnam from the late 19th to early 20th century

Từ khóa:

Tính chất, tư tưởng canh tân, Việt Nam, cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX

Keywords:

characteristics, reformist thought, Vietnam, from the late 19th to early 20th century

TÓM TẮT: Xu hướng canh tân là một trong những vấn đề quan trọng trong lịch sử bởi những tác động trực tiếp của nó tới mọi mặt đời sống xã hội. Những cải cách, đổi mới từ xưa tới nay đều đem lại những tiến bộ và giá trị nhất định, đặc biệt trên các lĩnh vực kinh tế - văn hóa. Trong đó, tư tưởng canh tân cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX vừa là sự tiếp nối vừa là sự chuyển giao của dòng tư tưởng Việt Nam. Nó đặt cơ sở cho những biến đổi của tư tưởng người Việt lúc bấy giờ, từ hệ tư tưởng quân chủ chuyên chế sang một hệ tư tưởng tiến bộ hơn. Vì thế, nghiên cứu những tính chất của tư tưởng canh tân có ý nghĩa hơn bao giờ hết nhằm làm rõ những biến đổi trên. Từ đó, thấy được những tác động trong và ngoài nước đến tư tưởng canh tân cùng những ảnh hưởng của các tính chất trong tư tưởng canh tân đến xã hội Việt Nam giai đoạn này.

ABSTRACT: Abstract: The reformist movement was one of the most significant issues in history due to its direct impact on all aspects of society. Throughout history, reforms and innovations have brought progress and certain values, particularly in the economic and cultural spheres. The reformist thought of the late 19th and early 20th centuries was both a continuation and a transition within Vietnamese intellectual history. It laid the foundation for changes in Vietnamese ideology at the time, shifting from an absolutist monarchy to a more progressive ideological system. This paper aims to analyze the characteristics of reformist thought in Vietnam during this period, examining both domestic and foreign influences on the reformist movement and the impact of these characteristics on Vietnamese society.

1. Giới thiệu vấn đề nghiên cứu

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chế độ quân chủ Việt Nam lâm vào khủng hoảng trên nhiều lĩnh vực. Thêm vào đó, cuộc xâm lược của thực dân Pháp khiến cho mâu thuẫn xã hội ngày càng thêm gay gắt. Canh tân đã trở thành xu hướng tất yếu nhằm đáp ứng yêu cầu khách quan của lịch sử dân tộc Việt Nam trước sự xâm lược và thống trị của thực dân Pháp. Trong bối cảnh ấy, một tầng lớp quan lại, sĩ phu có xu hướng canh tân với hàng loạt những kiến nghị, cải cách từ kinh tế đến chính trị như Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Bùi Viện, Đặng Huy Trứ, Trần Đình Túc, Nguyễn Tư Giản, Đinh Văn Điền, Nguyễn Thông... hay Phan Bội Châu,

Phan Châu Trinh là những nhà canh tân đầu thế kỷ XX. Những tư tưởng canh tân trong thời kỳ lịch sử này được coi như là một phương sách cứu nước mới. Do vậy, việc tìm hiểu tính chất tư tưởng canh tân ở Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX cũng chính là tìm hiểu một chủ trương cứu nước mới lúc bấy giờ.

Nghiên cứu tính chất canh tân trong giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX ở Việt Nam có ý nghĩa hết sức quan trọng. Mặc dù tư tưởng canh tân tồn tại trong xã hội Việt Nam thời gian ngắn và còn những hạn chế do điều kiện lịch sử - xã hội và quan điểm, lập trường giai cấp chế định, nhưng đã tạo nên sự chuyển biến ý thức hệ trong xã hội Việt Nam thông qua công cuộc canh tân cuối thế kỷ

XIX đầu thế kỷ XX, góp phần giải quyết những yêu cầu bức thiết mà lịch sử đặt ra cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX ở Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

Do tiếp cận dưới góc độ của khoa học lịch sử, cho nên phương pháp lịch sử và phương pháp logic được sử dụng như những phương pháp chủ yếu nhất. Phương pháp lịch sử được vận dụng nhằm tái hiện lại bối cảnh và nội dung của tư tưởng canh tân ở Việt Nam trong giai đoạn này. Phương pháp logic được sử dụng để chỉ ra các nhân tố tác động cùng những ảnh hưởng của các tính chất trong tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đến xã hội Việt Nam. Ngoài ra, công trình còn sử dụng các phương pháp bổ trợ khác như phân tích, tổng hợp, phương pháp phân kỳ, hệ thống hóa và so sánh để giải quyết các vấn đề đặt ra.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Bối cảnh thế giới và Việt Nam cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX

3.1.1. Bối cảnh thế giới

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là giai đoạn có nhiều sự kiện mang tính thời đại, có ảnh hưởng rất lớn đối với quá trình phát triển của lịch sử xã hội loài người và có tác động mạnh mẽ đến đời sống xã hội Việt Nam. Chủ nghĩa tư bản đã tiến hành xâm lược và áp dụng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa vào các nước phương Đông, trong đó có Việt Nam, làm biến đổi sâu sắc các mặt của đời sống xã hội như kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... của các dân tộc thuộc địa. Các nước Nhật Bản và Trung Quốc đã tiến hành canh tân đất nước, tạo ra sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội, làm thay đổi căn bản chế độ chính trị:

Nhật Bản: Đầu thế kỷ XIX, triều đại Tokugawa vẫn duy trì chính sách đóng cửa. Năm 1825, Nhật hoàng ra sắc lệnh cấm tất cả các tàu ngoại quốc cập cảng của Nhật, cấm giáo sĩ phương Tây hiện diện trên đất nước. Dầu vậy, ngoại thương của Nhật vẫn mạnh nha hình thành giữa vô văn sắc lệnh cấm đoán của người đứng đầu nước Nhật: Hòa ước hữu nghị và thương mại Nhật - Mỹ được ký vào năm 1854. Hai năm sau là sự xuất hiện của Thương xá quốc tế và Phòng dịch sách ngoại quốc trên nước Nhật. Chính sách mở cửa của Nhật Bản chỉ được thực thi từ năm 1868, khi Minh Trị lên ngôi. Cải cách Minh Trị với các

biện pháp mở cửa, lập Hiến pháp mới, cho phép tiếp thu khoa học, kỹ thuật phương Tây đã thổi một luồng gió mới vào nền kinh tế nước này và mở ra thời kỳ mới cho Nhật Bản: thời kỳ canh tân đất nước.

Trung Quốc: Dưới triều Mãn Thanh đã triệt để thi hành chính sách “bế quan tỏa cảng”, hoàn toàn đóng cửa với phương Tây và thế giới bên ngoài. Tuy nhiên, Hiệp ước Nam Kinh (kí ngày 29/8/1842) đã buộc Trung Quốc phải mở cửa, áp dụng tự do mậu dịch với các quốc gia khác. Các cảng: Quảng Châu, Hạ Môn, Phúc Châu, Ninh Ba, Thượng Hải, Hồng Kông lần lượt trở thành nhượng địa của Anh [1; tr.30]. Phong trào Thái bình thiên quốc do Hồng Tú Toàn lãnh đạo tiếp tục giáng những đòn mạnh mẽ vào triều đình nhà Thanh. Sự khủng hoảng và suy vi trên nhiều phương diện đẩy nhà Thanh đến chỗ phải ký Hòa ước Thiên tân (1885) chính thức biến Trung Quốc thành nước nửa thuộc địa của Anh, Mỹ, Pháp. Việc Trung Quốc thất bại trong “Chiến tranh nha phiến” khiến xã hội ngày càng suy đồi, một tầng lớp trí thức mới của Trung Quốc đã xuất hiện.

Bên cạnh đó, phong trào dân chủ tư sản ở phương Tây, thực tiễn ấy đặt câu hỏi cho dân tộc Việt Nam là phải bằng con đường cách mạng nào để bảo vệ độc lập cho dân tộc và phát triển đất nước? Câu hỏi này đã đưa đến sự hình thành những tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

3.1.2. Tình hình Việt Nam

- Quá trình xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp

Trước phát súng khai chiến của thực dân Pháp, triều đình nhà Nguyễn đã cử Nguyễn Tri Phương dựng phòng tuyến, thực hiện “vườn không nhà trống”, cầm chân Pháp trong suốt 5 tháng. Tiếp đó, khi Pháp tấn công Gia Định, triều đình trung ương tiếp tục xây thành, đắp lũy và phối hợp cùng nhân dân chống Pháp. Sự kiện đại đồn Chí Hòa thất thủ (23/2/1861), quân đội chính quy tan rã, Nguyễn Tri Phương buộc phải rút quân - đã đánh dấu sự thất thế của nhà Nguyễn trên chiến trường. Triều đình Huế buộc phải ký Hiệp ước Nhâm Tuất (5/6/1862), nhượng cho thực dân Pháp nhiều quyền lợi.

Sau Hiệp ước năm 1862, nhà Nguyễn đã ra lệnh giải tán phong trào kháng chiến, giao nộp khí giới, bước đầu trả chiến phí cho Pháp,

cử phái đoàn sang Paris thương thuyết, xin chuộc ba tỉnh miền Đông nhưng thất bại. Đồng thời, nhà Nguyễn tăng các sắc thuế (1867), bán ruộng công làm ruộng tư (1869), đàn áp khởi nghĩa nông dân... Đánh giá về cuộc xâm lược của tư bản phương Tây, các tác giả Đại cương Lịch sử Việt Nam nhận xét: “Tư bản Pháp đã chọn đúng lúc để nổ súng xâm lược Việt Nam khi chế độ quân chủ chuyên chế Việt Nam đang đi sâu vào giai đoạn khủng hoảng trầm trọng... nước Việt Nam đã suy yếu về mọi mặt và trở thành miếng mồi ngon đối với các nước tư bản phương Tây” [13; tr.479-484].

Từ ngày 20 đến ngày 24/6/1867, quân Pháp đã chiếm luôn 3 tỉnh miền Tây mà không tốn một viên đạn. Sau khi chiếm xong Nam Kỳ, thực dân Pháp tiến đánh Bắc Kỳ lần thứ nhất (1873) theo chủ trương của Đô đốc Dupré: biến vua quan nhà Nguyễn thành lực lượng hỗ trợ, “đặt Bắc Kỳ dưới quyền đô hộ của Pháp mà chính phủ Pháp không phải tốn một người hay một xu nào” (báo cáo của Dupré gửi về Bộ Hải quân và Thuộc địa Pháp). Dupré đã cho thấy những tính toán khôn ngoan và đúng đắn. Trong khi quân dân Bắc Kỳ đang anh dũng chống lại thực dân Pháp làm nên chiến thắng Cầu Giấy khiến quân Pháp hoang mang, e ngại thì nhà Nguyễn lại ký với Pháp Hiệp ước Giáp Tuất (15/3/1874). Nội dung cơ bản là để đổi lại việc Pháp rút quân khỏi Bắc Kỳ, Triều đình Huế phải thừa nhận 6 tỉnh Nam Kỳ hoàn toàn thuộc Pháp.

Năm 1882, Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ hai. Bất chấp chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai khiến thực dân Pháp toan bỏ chạy, triều đình Huế tiếp tục chủ trương thương lượng với thực dân. Nhân cơ hội đó, sau khi có thêm viện binh và lợi dụng cái chết của vua Tự Đức khiến nội bộ triều đình mâu thuẫn, lục đục... thực dân Pháp đã đem quân đánh thẳng vào Thuận An - cửa ngõ kinh thành Huế. Ngày 28/8/1883 triều đình Huế chấp nhận ký Hiệp ước Quý Mùi 1883 (Hiệp ước Hác - măng), chính thức thừa nhận nền bảo hộ của Pháp ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ; triều đình được cai quản Trung Kỳ nhưng mọi việc phải thông qua viên Khâm sứ Pháp ở Huế. Hiệp ước cuối cùng của nhà Nguyễn cho Pháp được ký vào ngày 6/6/1884 (Hiệp ước Pa-tơ-nốt) chính

thức biến Việt Nam trở thành một nước mất hoàn toàn độc lập, tự chủ.

- Điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, sự xâm lược, thống trị và khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã làm cho xã hội Việt Nam có nhiều thay đổi cả về cấu trúc kinh tế và xã hội. Về kinh tế, dưới tác động của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa do thực dân Pháp áp đặt, nền kinh tế Việt Nam có sự chuyển biến từ nền kinh tế quân chủ lạc hậu, khép kín sang nền kinh tế thuộc địa - tư bản chủ nghĩa. Song, tính chất và trình độ phát triển của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX còn yếu ớt và chậm chạp: “một thứ tư bản chủ nghĩa thuộc địa, phụ thuộc hoàn toàn vào chính quốc” [5; tr.10].

Về chính trị - xã hội, để phục vụ đắc lực cho công cuộc “bảo hộ” và “khai hóa văn minh”, thực dân Pháp thiết lập một chế độ chuyên chế về chính trị mang tính chất thực dân với bộ máy cai trị và tay sai để đàn áp và bóc lột nhân dân Việt Nam. Về văn hóa, giáo dục, dưới chiêu bài “khai hóa”, thực dân Pháp thực hiện chính sách “ngu dân” về giáo dục, “nô dịch” về văn hóa và “đầu độc” về tư tưởng đối với toàn thể dân tộc Việt Nam để dễ dàng cai trị. Về cơ cấu giai cấp, chương trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã làm cho xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX tồn tại đan xen giữa những giai cấp cũ (địa chủ, nông dân) với những giai cấp mới (tư sản, tiểu tư sản và công nhân). Xã hội Việt Nam nổi lên hai mâu thuẫn cơ bản đó là mâu thuẫn giữa nông dân và giai cấp địa chủ (mâu thuẫn vốn có của xã hội quân chủ chuyên chế); mâu thuẫn mới xuất hiện là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp. Trong đó, mâu thuẫn cơ bản nhất là giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược.

Trong bối cảnh ấy, dân tộc Việt Nam đứng trước hai nhiệm vụ: *một là*, tiến hành canh tân đất nước về mọi mặt; *hai là*, đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập cho dân tộc. Trong đó, chống đế quốc, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu: “đất nước và dân tộc Việt Nam đứng trước hai nhiệm vụ lịch sử rất trọng đại, rất khẩn cấp: một là nhiệm vụ duy tân, nghĩa là từ bỏ sự đình trệ phong kiến

Châu Á để phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa như Âu Mỹ; hai là bảo vệ nền độc lập dân tộc chống thực dân xâm lược; hai nhiệm vụ có liên quan mật thiết với nhau” [11; tr.54]. Trước yêu cầu cấp thiết của lịch sử, các nhà tư tưởng như Đặng Huy Trứ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Phạm Phú Thứ, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh với tư tưởng canh tân đất nước về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục... với mục đích làm cho đất nước phú cường, để đủ sức chống lại sự xâm lược của thực dân Pháp giành lại độc lập cho dân tộc. Bối cảnh thế giới và Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là tiền đề khách quan hình thành nên tư tưởng canh tân ở Việt Nam.

3.2. Tính chất tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX

Tính thời đại

Tư tưởng canh tân xuất hiện và phát triển trong nửa cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX mang ảnh hưởng sâu sắc từ hơi thở của thời đại. Thế kỷ XVII – XVIII, ở phương Tây xuất hiện trào lưu triết học Ánh sáng. Phong trào này như một luồng gió mới đã thổi luồng sinh khí vào xã hội phương Tây và mang đến những tư tưởng tiến bộ cũng như góp phần vào cuộc cách mạng trong nhận thức, khoa học. Trong giai đoạn này, các cuộc cách mạng tư sản cũng lần lượt nổ ra ở Hà Lan, Anh và Pháp lật đổ chế độ phong kiến và thiết lập nên các chính quyền Cộng hòa ở nhiều mức độ khác nhau. Những tư tưởng ra đời trong thời đại này dần phát triển và trở thành hệ tư tưởng dân chủ tư sản sau này. Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và các cuộc phát kiến địa lý cũng đã tạo nên xu thế “thực dân hóa” của thời đại. Các nước phương Tây liên tục mở rộng tìm kiếm và thiết lập các hệ thống thuộc địa để phục vụ cho lợi ích của mẫu quốc từ châu Mỹ, châu Phi, châu Úc và châu Á.

Xu thế thực dân hóa cũng đã góp phần tạo ra cuộc tiếp xúc giữa Đông – Tây. Các đế quốc thực dân đã đến Đông Á như là một tất yếu lịch sử nhằm tìm kiếm các thuộc địa ở khu vực giàu có này. Trong xu thế đó, Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản cũng lần lượt tiếp nhận ảnh hưởng từ phương Tây về nhiều phương diện cả tích cực lẫn tiêu cực. Giới sĩ phu trí thức của các nước đã nhận ra những trì trệ trong nước và những tiến bộ mà phương Tây đang có và từ đó tạo ra những tư

tưởng canh tân đất nước theo phương Tây. Ở Việt Nam, những người đã tiếp xúc với văn minh phương Tây rất sớm cũng như Tân văn, Tân thư như Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Đặng Huy Trứ, Phạm Phú Thứ,... đã đề xuất lên triều đình những chương trình canh tân về nhiều mặt. Theo sự xuất hiện và phát triển của hệ tư tưởng dân chủ tư sản trên thế giới, Việt Nam cũng lần lượt xuất hiện những trí thức mang tư tưởng dân chủ tư sản với Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh là hai đại diện tiêu biểu. Hai cụ Phan vốn xuất thân là nhà nho nhưng nhận rõ sự bất lực của Nho giáo trước những yêu cầu của thời đại đã chuyển sang hệ tư tưởng dân chủ tư sản và trở thành những chí sĩ canh tân hết lòng cổ vũ và lan tỏa tư tưởng này thành trong phong trào canh tân đất nước và giải phóng dân tộc. Nhìn chung, tư tưởng canh tân của Việt Nam xuất hiện và phát triển trong nửa cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là sự tất yếu theo xu thế chung của thời đại.

Tính dân tộc

Tư tưởng canh tân cuối thế kỷ XIX đều xuất phát từ sự “ưu thời mẫn thế” của những sĩ phu có tư tưởng tiến bộ. Đứng trước sự trì trệ khủng hoảng của đất nước và âm mưu xâm lược ngày càng lộ rõ của Pháp, những sĩ phu có điều kiện tiếp xúc với văn minh phương Tây và tư tưởng tiến bộ đã tìm cách đem những điều học được về thực hiện ở nước nhà. Những Nguyễn Lộ Trạch, Nguyễn Thượng Hiền, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu, Lương Văn Can,... cùng vô số những chí sĩ canh tân khác đều cảm thán trước thời cuộc, muốn tìm một con đường để canh tân đất nước, thoát khỏi nỗi nhục mất nước, dân tộc nô lệ.

Tư tưởng canh tân của Nguyễn Lộ Trạch qua hai bản Thời vụ sách thể hiện rất rõ tính chất này. Ở bản Thượng, ông đã phê phán những nguy hiểm của tư tưởng an phận, chủ quan trước thái độ của Pháp và phân tích rõ những yếu hại trong phương Thủ – Hòa – Chiến để đưa ra cách thức chống Pháp. Ở bản Hạ, khi “đại thế đã qua” nhưng vẫn còn có thể cứu vãn phần nào, Nguyễn Lộ Trạch cũng đưa ra những biện pháp cấp thời để cứu vãn tình hình. Tới thời Kỳ của các chí sĩ họ Phan, Lương Văn Can, Trần Quý Cáp,... thì tính cấp thiết được thể hiện rõ ở tư tưởng canh tân về giáo dục. Các chí sĩ đều hướng về vấn đề

làm sao để “khai dân trí” , làm sao để có thể chấn hưng thực nghiệp, tạo ra được những con người mới. Từ đó có sự ra đời của Đông Kinh Nghĩa Thục, phong trào Đông Du rồi Duy tân hội, phong trào Minh Tân,... để giải quyết những vấn đề dân tộc, dân chủ.

Tư tưởng canh tân cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX thể hiện khá toàn diện, đề cập đến nhiều phương diện, nhiều khía cạnh khác nhau từ kinh tế, quân sự, giáo dục, ... Trong đó, vấn đề then chốt trong toàn bộ các quan điểm của tư tưởng canh tân Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường của đất nước, của con người Việt Nam. Nó như sợi chỉ đỏ xuyên suốt tư tưởng canh tân Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Tất cả các nhà canh tân đều trên cơ sở nhận thức sự yếu kém của Việt Nam về thể và lực so với Pháp và các nước khác, đưa ra đề nghị cải cách trên mọi lĩnh vực, làm cho đất nước ngày một phú cường, lập lại thế cân bằng cho dân tộc đủ sức chống lại sự xâm lược của thực dân Pháp, tránh họa vong quốc. Đồng thời, tạo nên thế vững, lực mạnh đưa đất nước trở thành một nước phát triển về kinh tế, chính trị, văn hóa... sánh ngang, thậm chí còn vượt các nước phát triển đương thời. Như vậy, tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường vừa nói lên đặc điểm của tư tưởng canh tân Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, vừa biểu hiện nét đặc sắc của truyền thống dân tộc Việt Nam.

Trên cơ sở tư tưởng chủ đạo ấy, các nhà canh tân Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, mà tiêu biểu là Đặng Huy Trứ, Nguyễn Lộ Trạch, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ... đều khẳng định tầm quan trọng của tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường trong công cuộc canh tân, bảo vệ và phát triển đất nước. Đúng như trong Lời mở đầu của tác phẩm Xu hướng đổi mới trong lịch sử Việt Nam nhận định: “Yêu cầu duy tân đất nước xuất hiện từ những năm đầu thập kỷ 40 của thế kỷ XIX với các đề nghị cải cách đổi mới cho dân giàu, nước mạnh cũng bắt nguồn từ tinh thần đó. Ngay đến cả một số quan lại của triều Nguyễn như Phạm Phú Thứ, Trần Đình Túc, Đặng Huy Trứ v.v... đứng trước nguy cơ mất nước do sự bành trướng của tư bản phương Tây, với tinh thần yêu nước truyền thống, đã tỏ ra thức thối, không có thái độ bảo thủ trong xử sự, bàng quan trước tình hình,

mà đã mạnh dạn đề đạt với triều đình một số công việc cấp bách cần thực hiện để cho dân giàu, nước mạnh, trên cơ sở đó mới có khả năng bảo vệ độc lập dân tộc” [3; tr.7].

Tính giai cấp

Nếu cuộc cách mạng Minh Trị duy tân ở Nhật Bản nổ ra và thắng lợi bởi vai trò của tầng lớp Samurai thì ở Việt Nam, tầng lớp đề nghị cải cách lại là các sĩ phu đương thời. Họ xuất thân từ những gia đình mang ý thức hệ quân chủ, yếu tố Nho học đã ăn sâu vào tiềm thức nhưng với lòng yêu nước nồng nàn, sự nhạy cảm với thời cuộc, họ sớm nhận ra nhu cầu canh tân đất nước là việc làm vô cùng cấp thiết, nó quyết định sự bại vong của cả dân tộc. Xu hướng canh tân hình thành và phát triển gắn liền với tên tuổi các nhân vật tiêu biểu như Nguyễn Trường Tộ, Phạm Phú Thứ, Đặng Huy Trứ, Nguyễn Lộ Trạch và một số nhân vật cùng thời. Bằng những bản điều trần, tấu sớ, khuyến nghị, các nhân vật canh tân đã nói lên ý tưởng và kế sách của mình nhằm canh tân đất nước, cải cách xã hội, tự cường dân tộc.

Nhìn chung, thành phần tham gia trào lưu canh tân đất nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX khá nhiều và tương đối đa dạng, liên tục xuất hiện kể từ trước khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược đến lúc toàn bộ đất nước rơi vào tay giặc (1884). Những nội dung đề nghị cải cách của họ bao quát đủ mọi lĩnh vực: kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao, pháp luật, văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật, chiêu mộ nhân tài... Tất cả chương trình kiến nghị canh tân sôi nổi đó lần lượt tập trung về triều đình Huế và đã có những tác động không nhỏ đến các đối sách của triều đình Huế trước một bối cảnh hết sức sôi động của lịch sử dân tộc: sự tồn vong của nền độc lập dân tộc đang bị đe dọa bởi làn sóng xâm lược của chủ nghĩa tư bản phương Tây.

Đứng trước tình thế hết sức khó khăn về nhiều mặt của nội tình đất nước, và cuộc xâm lược đất nước của thực dân Pháp có xu hướng ngày càng mở rộng, triều đình Huế đã không hoàn toàn quay lưng với làn sóng kiến nghị tiến hành canh tân, đổi mới để tạo thực lực cho đất nước đủ sức đứng vững và phát triển. Có thể khẳng định, gần như tất cả các bản điều trần, các kiến nghị canh tân trước sau đều được vua Tự Đức và triều thần đọc kỹ, xem xét và bàn luận, mới đi đến kết luận bỏ

qua hay cho thực hiện, hoặc thực hiện kiến nghị một phần hay toàn bộ. Dù kết luận của vua Tự Đức và triều đình Huế không phải luôn luôn đồng tình hay ngược lại, nhưng rõ ràng triều đình Huế đã thể hiện một thái độ hết sức quan tâm đến nội dung mà các nhà cải cách duy tân đề cập.

Tính đại chúng

Tính đại chúng trong tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX được thể hiện ở quan điểm đề cao vai trò của con người, cụ thể là đề cao vai trò, quyền lợi và nghĩa vụ của người dân, tức lấy dân làm gốc. Do đó, các nhà tư tưởng canh tân giai đoạn này đã phê phán tư tưởng tôn quân quyền, đề cao dân chủ, mở rộng dân quyền. Trong hệ tư tưởng quân chủ thì mối quan hệ giữa vương quyền và thần quyền thống nhất với nhau, cùng với tư tưởng triết lý “Thiên mệnh”, cũng như quan niệm “tôn quân quyền” thống trị trong đời sống xã hội. Theo đó, về mặt xã hội, quốc gia thì vua được coi là “Thiên tử” thay trời hành đạo chấn dất dân chúng, còn về mặt tinh thần thì thần, thánh, trời, mệnh trời... là những lực lượng giữ vai trò chi phối. Như vậy, nhân dân được hiểu là thần dân, được xem như tài sản thuộc quyền sở hữu của thiên tử và thần dân thì không được xem là chủ thể của quyền lực xã hội.

Về thực chất, tư tưởng tôn quân quyền là tư tưởng đề cao vị trí, vai trò của vua trong các mối quan hệ xã hội: Vua - tôi, cha - con, chồng - vợ... và mục đích duy nhất là bảo vệ vị trí và lợi ích của vua: “Ở đó vận mệnh của đất nước và thần dân gắn làm một với số phận của quốc vương” [10; tr.200]. Nhưng đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, dưới tác động của thời đại, đặc biệt là tư tưởng dân chủ tư sản của J.J.Rousseau, Ch.Montesquieu... cũng như của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, Tôn Trung Sơn... được du nhập vào Việt Nam. Vì thế, quan niệm về dân, vị trí, vai trò, quyền và nghĩa vụ của dân đã có sự thay đổi, thay thế và vượt qua quan niệm “thần dân” truyền thống của chế độ quân chủ chuyên chế, chống lại tư tưởng “tôn quân quyền” đối lập hoàn toàn với quan điểm Nho giáo. Trên cơ sở đó, các nhà canh tân giai đoạn này đã đi đến gắn dân với nước, dân và nước đi đôi với nhau, có quan hệ biện chứng với nhau, gắn dân quyền với quốc quyền. Nguyễn Trường Tộ cho rằng: “Phàm quốc gia đối với nhân

dân muôn việc chẳng khác nào huyết mạch trong thân thể” [12; tr.310], song ông chưa gắn dân với nước và chưa bàn đến các quyền cơ bản của quốc dân. Phan Bội Châu đã gắn dân với nước và khẳng định nhân dân có vai trò quan trọng đối với sự tồn tại của một đất nước: “...Được gọi là một nước thì phải có nhân dân, có đất đai, có chủ quyền. Thiếu một trong ba cái đó đều không đủ tư cách làm một nước. Trong ba cái đó thì nhân dân là quan trọng nhất” [8; tr.68]. Đồng thời, ông còn chỉ ra mối quan hệ biện chứng giữa dân và nước: “Không có nhân dân thì đất đai không thể còn, chủ quyền không thể lập: nhân dân còn thì nước còn, nhân dân mất thì nước mất” [8; tr.68]. Do vậy, ông chủ trương xây dựng một nhà nước do nhân dân làm chủ, mọi người dân đều có quyền công dân như quyền tự do ngôn luận, quyền tự do hội họp, quyền tự do buôn bán, quyền bình đẳng nam nữ... và quyền được tham gia vào những công việc của nhà nước.

Phan Châu Trinh cũng đề cập nhiều về khái niệm quốc dân khi phê phán chế độ quân chủ, ông kêu gọi vua Khải Định hãy “đem chính quyền dâng trả lại cho quốc dân” [4; tr.673]; còn sau khi đánh đuổi thực dân Pháp giành lại độc lập chủ quyền cho dân tộc, ông cho rằng việc xây dựng nhà nước dân chủ hay quân chủ phải do nhân dân lựa chọn và quyết định: “Sau khi đã khôi phục sơn hà rồi, thì quân chủ hay dân chủ nhứt nhứt tùy theo ý quốc dân” [4; tr.635].

Bên cạnh đó, tính đại chúng trong tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX còn được thể hiện ở lòng yêu thương và quan tâm sâu sắc đến con người. Nguyễn Trường Tộ lên án tội thù ghét nhau giữa những người có đạo và không có đạo: “Một lời nói mà không chịu là xách dao đến chém nhau” [12; tr.211], từ đó, ông kêu gọi mọi người đoàn kết lương giáo. Bên cạnh đó, Nguyễn Trường Tộ còn đề nghị Lập Viện dục anh và Trại tế bần để “nuôi người nghèo khổ” [12; tr.321]... Đặng Huy Trứ cảm thông với đời sống lao động vất vả của người dân: “Đến canh khuya ta mới đi nằm và dậy trước nhà lại. Ăn thì qua quýt cho xong, chia sẻ gian khổ với dân” [2; tr.272]. Chính tấm lòng vì nước, vì dân mà ông đã tự xây dựng cho mình một phương châm làm việc như sau: “Nếu có lợi cho dân thì phải quyền biến mà làm, dù có

đưa đến tội vạ thì một mình ta chịu có khó gì” [2; tr.168]. Phan Bội Châu cũng cảm thông sâu sắc với cuộc sống lầm than của nhân dân và nhận thấy họ chính là đối tượng chịu nhiều áp bức, bóc lột một cách vô lý và bất công với hàng trăm thứ thuế do chế độ thực dân phong kiến đặt ra: “hình luật dã man, thuế khóa nặng nề, rượu còn thuốc phiện, dao gươm diệt chủng; thuế chợ, thuế người, coi con người như súc vật” [8; tr.365]. Trên cơ sở đó, ông tố cáo tội ác do sự cai trị và bóc lột tàn bạo của thực dân Pháp “hút máu mỡ, trói buộc chân tay... tuyệt đường sinh sống” đối với nhân dân Việt Nam. Phan Châu Trinh cũng là nhà canh tân có tấm lòng yêu thương nhân dân sâu sắc, đặc biệt là những người dân nghèo, chịu nhiều áp bức, bóc lột. Ông thương cảm với sự thống khổ của người dân vì sưu cao thuế nặng:

*“Thương những kẻ nghèo nàn thiếu thốn,
Thuế cùng siêu khổn đồn quanh niên”.*

[4; tr.296].

Ông cũng tố cáo thực dân Pháp là những kẻ lột da, hút máu nhân dân ta, đầy đọa nhân dân ta không ai sống nổi, đến mức người bỏ đi tha phương không biết “chôn xác” ở nơi nào, còn kẻ ở lại cũng chịu cảnh “vứt xác ở nơi nương rãnh” [4; tr.490].

Từ chỗ yêu thương và quan tâm sâu sắc đến con người, các nhà canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã xem việc giáo dục hoàn thiện con người nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn khách quan của lịch sử - xã hội Việt Nam lúc bấy giờ phải được quan tâm hàng đầu. Nguyễn Trường Tộ khẳng định: “Hiền tài là sinh lực của quốc gia, sinh lực con người ta mà mạnh thì mọi gân cốt trong người đều mạnh” [12; tr.207]. Đồng thời ông chỉ rõ tác hại của đường lối học thuật sai lầm: “Không có một nền học thuật sáng suốt thì phong tục sẽ ngày một bại hoại, lòng người sẽ ngày một giả dối, phù phiếm, trống rỗng” [12; tr.248]. Để khắc phục những hậu quả ấy, Nguyễn Trường Tộ đã đề xướng việc học thuật theo hướng thực dụng: “Cần phải tìm cái học thực dụng, phân chia ra các khoa, các môn,...” [12; tr.251].

Còn Đặng Huy Trứ cho rằng: “Người tài đâu phải do trời sinh ra một cách ngẫu nhiên” [2; tr.364]. Do đó, ông đề nghị cần phải đào tạo những con người có những hiểu biết sâu rộng trên nhiều lĩnh vực: “Lập cục dạy nghề, tuyển thiếu niên thông minh, rước người mời

phương Tây đến dạy ngôn ngữ, văn tự, toán pháp, đồ họa” [2; tr.436]. Phan Bội Châu khẳng định: “Chúng ta học cốt để làm người” [9; tr.208] và giáo dục là làm cho: “Dân trí sẽ mở mang, dân khí sẽ lớn mạnh, dân quyền sẽ phát đạt” [7; tr.179]. Vì thế, Phan Bội Châu cho rằng cần phải giáo dục cho tất cả mọi người: “Mọi việc mà dân ta cần học đều mời thầy, mở trường để cho người nước ta bất kỳ giàu nghèo, sang hèn, trai gái” [7; tr.184]. Ngoài ra, Phan Bội Châu cũng rất quan tâm đến việc giáo dục cho binh lính, phụ nữ, người tàn tật... Còn Phan Châu Trinh chủ trương “khai dân trí” để mở mang nâng cao hiểu biết cho quần đại quần chúng, làm cho người dân nhận thức được quyền lợi của mình, phát huy tinh thần dân chủ, tinh thần tự do..., đặc biệt để quần chúng nhân dân: “Dám có cái nhìn đảo lộn ngai vàng, đảo lộn quý tộc, đảo lộn Không Mạnh, đảo lộn học vắn, đảo lộn đặc quyền, đảo lộn phương thức sinh hoạt, phong tục, tập quán vào một thời xã hội còn tối tăm” [6; tr.33].

Đỉnh cao của tính đại chúng trong tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX thể hiện trong quan điểm và lý tưởng giải phóng con người. Quan trọng hơn quan điểm và lý tưởng giải phóng con người trong tư tưởng canh tân giai đoạn này không phải là quan điểm và lý tưởng giải phóng con người trừu tượng, nói chung mà được thể hiện một cách sâu sắc, cụ thể trong quan điểm giải phóng cho chính nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam. Do đó, điểm đến hay mục đích cuối cùng của lý tưởng giải phóng con người, giải phóng nhân dân và giải phóng dân tộc Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là đánh đuổi thực dân Pháp, giành lại độc lập chủ quyền cho dân tộc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân. Điều này đã làm nên tính đại chúng và xuyên suốt trong tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Vì chỉ có như vậy, tư tưởng canh tân giai đoạn này mới đáp ứng được yêu cầu khách quan và nhiệm vụ cấp bách do lịch sử - xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đặt ra; đồng thời đáp ứng nguyện vọng của toàn thể nhân dân và dân tộc Việt Nam lúc bấy giờ.

4. Kết luận

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, hoàn cảnh lịch sử thế giới có rất nhiều yếu tố tác

động mạnh mẽ đến quá trình chuyển biến tư tưởng canh tân ở Việt Nam. Sự phát triển mạnh mẽ của chủ nghĩa tư bản phương Tây dẫn đến sự xuất hiện chủ nghĩa thực dân đang thực hiện các cuộc xâm lược sang các dân tộc phương Đông, trong đó có Việt Nam. Các cuộc canh tân đất nước của Nhật Bản, Trung Quốc tạo ra sự phát triển kinh tế xã hội, làm biến đổi bộ mặt đất nước. Thực tiễn sinh động ấy đã đặt câu hỏi cho dân tộc Việt Nam nói chung và các nhà canh tân nói riêng là phải bằng con đường cách mạng nào để bảo vệ độc lập dân tộc, phát triển đất nước theo kịp các nước trong khu vực.

Tư tưởng canh tân xuất hiện và phát triển ở Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX phản ánh những ước vọng của sĩ phu trí thức “ưu thời mẫn thế”. Sự xuất hiện và phát triển của nó chịu ảnh hưởng sâu sắc của xu thế chung của thời đại nói chung và của khu vực Đông Á nói riêng. Tính chất của tư tưởng canh tân giai đoạn này vừa có tính dân tộc, tính thời đại, tính giai cấp và tính đại chúng. Tính thời đại xuất phát từ sự tiếp xúc gặp gỡ với văn minh phương Tây và từ sự truyền bá của những luồng tư tưởng canh tân ở Trung Quốc, Nhật Bản vào Việt Nam thông qua nhiều con đường khác nhau. Tính dân tộc xuất phát từ nội dung tư tưởng hướng tới giải quyết những khủng hoảng tri trệ đang diễn ra trong nước rồi chuyển sang giải quyết vấn đề dân tộc, dân sinh và dân chủ. Tính giai cấp thể hiện thông qua thành phần tham gia trào lưu canh tân đất nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX khá nhiều và tương đối đa dạng mà nổi bật nhất là các sĩ phu đương thời. Tính đại chúng trong tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX được thể hiện ở quan điểm đề cao vai trò của con người; lòng yêu thương và quan tâm sâu sắc đến con người và những quan điểm, lý tưởng giải phóng con người. Có thể nói, sự xuất hiện tư tưởng canh tân như là sự báo hiệu, sự chuẩn bị cho một bước chuyển mới về tư tưởng trong xã hội Việt Nam thời bấy giờ.

Tài liệu tham khảo

1. Chương Thâu (1985). *Thơ văn Phan Bội Châu*. Hà Nội: NXB Văn học.
2. Đặng Hưng Dzoanh, Bùi Văn Côn & Phạm Tuấn Khanh (1990). *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Đinh Xuân Lâm & Nguyễn Văn Hồng (1997). *Tân thư và xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
4. Nguyễn Văn Dương (1995). *Tuyển tập Phan Châu Trinh*. Đà Nẵng: NXB Đà Nẵng.
5. Nguyễn Văn Hòa (2006). *Tư tưởng triết học và chính trị của Phan Bội Châu*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
6. Nguyễn Văn Xuân (1995). *Phong trào Duy Tân*. Đà Nẵng: NXB Đà Nẵng.
7. Phan Bội Châu (2000). *Toàn tập*. Tập 2. Huế: NXB Thuận Hóa.
8. Phan Bội Châu (2000). *Toàn tập*. Tập 3. Huế: NXB Thuận Hóa.
9. Phan Bội Châu (2000). *Toàn tập*. Tập 6. Huế: NXB Thuận Hóa.
10. Shiraiishi Masaya (2000). *Phong trào dân tộc Việt Nam và quan hệ của nó với Nhật Bản và Châu Á: Tư tưởng của Phan Bội Châu về cách mạng thế giới*. Ngọc Sơn dịch. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
11. Trần Văn Giàu (1993). *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám. Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó trước các nhiệm vụ lịch sử*. Tập 1. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
12. Trương Bá Cần (2002). *Nguyễn Trường Tộ - con người và di thảo*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
13. Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm & Lê Mậu Hãn (2003). *Đại cương Lịch sử Việt Nam*. Hà Nội: NXB Giáo dục.